TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Phước Công và bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 448/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 18/8/1987, sô căn cước công dân 087187018873; địa chỉ: số E, ấp B, xã B, huyện L (nay là xã L), tỉnh Đồng Tháp; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hoàng T, sinh ngày 13/5/1988, số chứng minh nhân dân 341613635; địa chỉ: tổ D, ấp A, xã H, huyện C (nay là xã H), tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày: Bà N và ông Phạm Hoàng T sống chung với nhau như vợ chồng, sau đó đi đến hôn nhân. Đến tháng 8/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là xã H), tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận số 130/2012 ngày 06/8/2012, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn là trong cuộc sống mạnh ai nấy sống không ai quan tâm ai, vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng thật sự không còn hợp nhau, bà N đã cố gắng duung hòa để giữ mối quan hệ hôn nhân nhưng

tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được và không còn sống chung từ tháng 02/2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hoàng T; Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Hoàng Bảo K, sinh ngày 19/7/2007(đã thành niên) không yêu cầu giải quyết, Phạm Trần Đăng K1, sinh ngày 06/3/2015, đang sống với bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Phạm Hoàng T không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Tuyết N khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Phạm Hoàng T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn xã H, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Trần Thị Tuyết N, có đơn xin vắng mặt; ông Phạm Hoàng T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Tuyết N và ông Phạm Hoàng T là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là do trong cuộc sống mạnh ai nấy sống không ai quan tâm ai, vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng thật sự không còn hợp nhau, bà N đã cố gắng dung hòa để giữ mối quan hệ hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được và không còn sống chung từ tháng 02/2024 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng bà N xin ly hôn với ông T, bà N, ông T không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Tuyết N xác định vợ chồng có 02 con chung: Đối với cháu Phạm Hoàng Bảo K, sinh ngày 19/7/2007, bà N xác định cháu đã thành niên, không yêu cầu giải quyết cho nên không xét đến; đối với cháu Phạm Trần Đăng K1, sinh ngày 06/3/2015, đang sống với bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, con chung, còn nhỏ, đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến cháu K1, cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà N trong trường hợp bà N, ông T ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao các cháu K1

cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết N khởi kiện xác định yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết N khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết N.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Tuyết N ly hôn với ông Phạm Hoàng T.

2) Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi con chung là Phạm Trần Đăng K1, sinh ngày 06/3/2015. Ông Phạm Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Tuyết N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Hoàng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết N khởi kiện xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết N khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số

0024605 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Bà Trần Thị Tuyết N đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND kgu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã H, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng